

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về việc miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CÔNG VĂN BẢN SỐ 53
Ngày 02 tháng 01 năm 2016

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 05/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008;

Căn cứ Công văn số 04/HĐND-VP, ngày 04/01/2016 của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 468/TTr-STC, ngày 14 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc miễn giảm tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa - Thể Thao và Du lịch; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16/01/2016. Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách ưu đãi sử dụng đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH thuộc tỉnh
- Báo Đắk Lắk; Công báo;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng CM thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (N-TM).

400

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Về việc miễn giảm tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Đối với cơ sở xã hội hoá thuộc lĩnh vực giám định tư pháp, thực hiện theo quy định của pháp luật về xã hội hóa giám định tư pháp.

Điều 3. Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất

Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa thuộc đối tượng, phạm vi quy định tại Điều 1 và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Quy định này ngoài hưởng ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất theo các quy định của pháp luật về thuê đất, còn được hưởng mức miễn giảm tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa của tỉnh, cụ thể như sau:

1. Khu vực các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã: Được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện dự án trong thời hạn được thuê đất cho tất cả các lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

2. Khu vực các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột:

Được miễn 25 năm tiền thuê đất (bao gồm cả ưu đãi về thuê đất theo quy định của pháp luật) kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định cho thuê đất. Hết thời hạn được miễn tiền thuê đất thì được giảm 85% tiền thuê đất cho thời gian thuê đất còn lại trong thời hạn được thuê đất cho tất cả các lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

3. Khu vực các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột:

Được miễn 25 năm tiền thuê đất (bao gồm cả ưu đãi về thuê đất theo quy định của pháp luật) kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định cho thuê đất. Hết thời hạn được miễn tiền thuê đất thì được giảm 70% tiền thuê đất cho thời gian thuê đất còn lại trong thời hạn được thuê đất cho tất cả các lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án xã hội hóa trước ngày 24/6/2008 (ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì tiếp tục được hưởng chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho thời gian còn lại của dự án trong thời hạn được giao đất, thuê đất.

2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xã hội hoá hoặc mở rộng dự án xã hội hoá kể từ ngày 24/6/2008 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu đủ điều kiện được hưởng chính sách xã hội hoá theo quy định tại Điều 2 Quy định này thì được hưởng chính sách ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất theo Điều 3 Quy định này (kể cả trường hợp các cơ sở xã hội hoá đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà ưu đãi sử dụng đất đã ghi tại Giấy chứng nhận đầu tư khác với Điều 3 Quy định này). Thời điểm hưởng ưu đãi được tính từ thời điểm có Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (các tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hoá theo Quyết định này được miễn nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất).

3. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng mức miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa đã nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước từ ngày 24/6/2008 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu số tiền đã nộp lớn hơn số tiền phải nộp theo chính sách miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất quy định tại Điều 3 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 4 Quy định này thì cơ sở xã hội hóa được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp của những năm tiếp theo, nếu vẫn còn thừa tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đã nộp thì được ngân sách nhà nước hoàn trả theo quy định.

4. Xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Kể từ ngày 24/6/2008 đến trước ngày 01/8/2014 (ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); cơ sở thực hiện xã hội hóa đã ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt được xử lý như sau:

- Trường hợp kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa chưa được cơ quan thuế khấu trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp thì sẽ được ngân sách Nhà nước hoàn trả.

- Trường hợp kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa đã được cơ quan thuế khấu trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp thì không xem xét hoàn trả.

b) Kể từ ngày 01/8/2014, kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng được xử lý theo quy định tại điểm 5, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước

1. Giám đốc các Sở, ngành quản lý Nhà nước theo từng lĩnh vực xã hội hóa có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và thông báo công khai, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Định kỳ hàng năm lập báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ, ngành quản lý theo từng lĩnh vực.

c) Định kỳ hàng năm, năm (05) năm tiến hành xác định và báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về nhu cầu, kế hoạch sử dụng đất cho phát triển các cơ sở xã hội hóa.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ, trình tự tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo xác nhận của Sở, ngành quản lý Nhà nước theo từng lĩnh vực xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục đích, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan quản lý ngành cùng cấp và Ủy ban Nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn tổ chức thanh tra thường xuyên tình hình sử dụng đất tại các cơ sở xã hội hóa; đề xuất xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai để thực hiện tốt Quy định này.

c) Khi thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa trên cơ sở báo cáo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực xã hội hóa.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các nhà đầu tư có dự án xã hội hoá: Xem xét, điều chỉnh hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; chủ trì tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư có ghi ưu đãi đầu tư cho các dự án theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hoá triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí vốn để thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

4. Sở Tài chính: Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện xã hội hoá của các cấp, các ngành cho Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương.

5. Cục thuế tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về xã hội hoá và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá tại thời điểm dự án hoàn thành đưa vào hoạt động;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở chuyên ngành về xã hội hoá tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hoá theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện, cơ sở thực hiện xã hội hoá không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện việc miễn, giảm tiền thuế đất kịp thời, đúng quy định;

d) Báo cáo, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách xã hội hoá theo yêu cầu của UBND tỉnh.

6. Sở Xây dựng: Khi thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng của tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hoá.

7. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất các dự án xã hội hoá dự kiến thực hiện trên địa bàn để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương nhằm đảm bảo đủ quỹ đất cho phát triển các cơ sở xã hội hoá của địa phương.

b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực xã hội hoá xác định và báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các cơ sở xã hội hoá theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 5, Quy định trên.

c) Công bố công khai quy định về hướng dẫn ưu đãi trong lĩnh vực đất đai đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá.

d) Báo cáo kịp thời về Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở, ngành liên quan những vấn đề khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình nhà đầu tư triển khai dự án xã hội hóa trên địa bàn.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Các vấn đề khác liên quan đến dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc trong lĩnh vực nào thì các Sở, ngành và Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp, xem xét giải quyết hoặc báo cáo để Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị